TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-PT
Ngày: 13-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt; bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2020TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo Khổng Thanh Đ, Nguyễn Thị Bích H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Khổng Thanh Đ, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Thanh X và bà Phan Tuyết N; vợ là Nguyễn Thị Bích H; có hai người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Trần Thị ; chồng: Khổng Thanh Đ; có hai con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 09 tháng 12 năm 2019, Đội Cảnh sát giao thông, trật tự, cơ động- Công an huyện B gồm các ông: Trung tá Võ Hoàng M, Trung úy Phan Xuân T, Thiếu úy Gia Hoàng V, thượng úy Phạm Thanh T đi trên hai xe mô tô chuyên dụng tuần tra kiểm soát giao thông theo kế hoạch. Khi tổ tuần tra đang di chuyển trên quốc lộ 57C hướng từ xã Vĩnh An đến thị trấn B thuộc khu phố 5, thị

trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre thì phát hiện Khổng Thanh Đ đang điều khiển xe mô tô biển số xxCx-xxxxxx lưu thông phía trước cùng chiều có dấu hiệu vi phạm giao thông nên phát hiệu lệnh cho Đ dừng xe để kiểm tra. Khi dừng xe, Đ chỉ xuất trình 01 giấy phép lái xe hạng A, tổ tuần tra tiến hành kiểm tra nồng độ cồn nhưng Đ không chấp hành mà dùng điện thoại gọi cho người quen nhờ giúp đỡ. Khoảng 05 phút sau, vợ Đ là Nguyễn Thị Bích H đến hiện trường, H năn nỉ lực lượng thi hành công vụ, tổ tuần tra yêu cầu Đ ký vào biên bản vi phạm hành chính nhưng Đ không ký tên vào biên bản. Ngay sau đó, Đ và H dùng lời lẽ chưởi mắng xúc phạm lực lượng thi hành công vụ, Đ dùng gạch ném vào lực lượng thi hành công vụ, H xông vào cắn tay của Trung tá Võ Hoàng M gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 327-1219/TgT ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Võ Hoàng M: cánh tay trái có 3 vết bầm máu + sướt da rướm máu, mỗi vết có kích thước 04cm x 03cm, đã gần lành để lại sẹo, kích thước 04cm x 0,25cm: 02%; 04cm x 03cm: 02%; 06cm x 04cm: 03%; Cổ tay trái có hai vết sước da kích thước 02cm x 01cm; 02cm x 01cm đã lành để lại hai vết sạm da kích thước 01cm x 01cm: 01%; 01cm x 01cm: 01%; Cơ chế hình thành vết thương do vật cứng gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 9%.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu sơn đỏ -đen, biển kiểm soát xxCx-xxxxxx và 01 giấy phép lái xe mang tên Khổng Thanh Đ. Cơ quan điều tra đã xử lý bàn giao cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện B để chuyển Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre xử lý hành chính theo quy định; 01 (một) cục gạch ống loại 04 lỗ, có kích thước 7,5 cm x 7,5 cm x 20cm.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, ông Võ Hoàng M có đơn không yêu cầu khởi tố về hành vi gây thương tích với Đ và H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố các bị cáo Khổng Thanh Đ và Nguyễn Thị Bích H phạm "Tội chống người thi hành công vụ". Áp dụng khoản 1 Điều 330, điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Khổng Thanh Đ 09 (chín) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/5/2020, các bị cáo Khổng Thanh Đ và Nguyễn Thị Bích H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khổng Thanh Đ; Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm h, i, s

khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Khổng Thanh Đ 09 tháng tù về "Tội chống người thi hành công vụ". Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích H; áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H 09 tháng tù về "Tội chống người thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo để các bị cáo nuôi dưỡng chăm sóc các con nhỏ và mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09 tháng 12 năm 2019, khi di chuyển trên quốc lộ 57C, thuộc khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, tổ tuần tra kiểm soát giao thông Công an huyện B đang thi hành công vụ và yêu cầu Khổng Thanh Đ dừng xe để kiểm tra nồng độ cồn nhưng Đ không chấp hành. Sau đó, vợ của Đ là Nguyễn Thị Bích H đến hiện trường năn nỉ tổ tuần tra bỏ qua vi phạm nhưng không được thì cả hai có lời lẽ thô tục xúc phạm những người thi hành công vụ và dùng gạch ném, cắn người thi hành công vụ nhằm cản trở Tổ tuần tra thi hành công vụ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm "Tội chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, gia đình có công với đất nước, theo quy định tại các điểm h, i và s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, là

lao động chính tìm kiếm thu nhập nuôi dưỡng các con nhỏ đang ăn học. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đ là chính phạm trong vụ án, sau khi đã có uống rượu nhưng vẫn cố ý tham gia giao thông trong tình trạng điều khiển xe không đảm bảo an toàn, khi tổ tuần tra yêu cầu kiểm tra nồng độ cồn thì bị cáo chống đối, có những hành động thách thức, lời lẽ hung hăng xúc phạm danh dự nhân phẩm tổ tuần tra và dùng gạch tấn công, cản trở lực lượng thi hành công vụ một cách rất quyết liệt. Vì vậy, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên mức án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên để cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H là đồng phạm trong vụ án, đã có hành vi cắn và cào xước vào tay trung tá Võ Hoàng M gây thương tích nhằm mục đích không cho tổ công tác khống chế bị cáo Đ nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, ông ngoại bị cáo là liệt sĩ, bản thân bị cáo là lao động chính nuôi dưỡng hai con nhỏ và mẹ già, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, động cơ phạm tội chỉ muốn giải thoát cho chồng là bị cáo Đ không bị còng tay. Mặt khác, nếu bắt cả hai vợ chồng bị cáo đi chấp hành hình phạt tù sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, điều kiện kinh tế và việc nuôi dưỡng chăm sóc các con nhỏ. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù bằng biện pháp án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc nuôi dưỡng các con nhỏ và mẹ già.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo Đ phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo H không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khổng Thanh Đ, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích H, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Khổng Thanh Đ 09 (chín) tháng tù về "Tội chống người thi hành công vụ"; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H 09 (chín) tháng tù về "Tội chống người thi hành công vụ" nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 13/7/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thị Bích H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Khổng Thanh Đ phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã B, huyện B (1b);
- Bị cáo (02b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn